

## NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN MỨC CHI TIÊU Y TẾ CỦA NGƯỜI CAO TUỔI TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ

*Trần Thị Hồng Nhung\**, Nguyễn Văn Hào, Cao Kim Linh

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

\*Email: tthnhung@ctump.edu.vn

### TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Già hoá dân số đang là một trong những thách thức toàn cầu. Thành phố Cần Thơ chưa có nhiều nghiên cứu đối với người cao tuổi. **Mục tiêu nghiên cứu:** Xác định chi tiêu y tế trung bình và các yếu tố ảnh hưởng đến mức chi tiêu y tế của người cao tuổi tại Thành phố Cần Thơ; **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến mức chi tiêu y tế của người cao tuổi thông qua kết quả xử lý số liệu từ cuộc phỏng vấn 151 người cao tuổi đang sinh sống tại Thành phố Cần Thơ. **Kết quả:** Trong năm 2017, chi y tế bình quân, cao nhất và thấp nhất của người cao tuổi là 355.000 đồng/năm; 11 triệu đồng/năm và thấp nhất là 0 đồng/năm. **Kết luận:** Các yếu tố ảnh hưởng đến mức chi tiêu cho y tế của người cao tuổi bao gồm: học vấn, tình trạng hôn nhân.

**Từ khóa:** Chi tiêu y tế, người cao tuổi.

### ABSTRACT

#### RESEARCHING FACTORS THAT AFFECT ON THE HEALTH BENEFITS OF THE ELDERLY PEOPLE IN CAN THO CITY

*Tran Thi Hong Nhung\**, Nguyen Van Hao, Cao Kim Linh

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

**Background:** Population aging is one of the global challenges. There are not many researches in Can Tho city for the elderly people. **Objectives:** To identify the average cost and factors that effect on the health expenditure of the elderly people in Can Tho City. **Materials and methods:** To analyze factors affecting on the medical expenses of the elderly by the results of data processing from the interview survey of 151 elderly people who are living in Can Tho City. **Results:** In 2017, the average, highest and lowest costs were spent for medical expenses such as: VND 355.000; VND 11 million, VND 0 by the elderly people. **Conclusion:** The factors effect on the health expenditure of the elderly people such as: education, marital status.

**Keywords:** Medical expenses, the elderly people.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Một trong những thách thức của già hóa dân số là bảo đảm vấn đề về chăm sóc y tế cho người cao tuổi (NCT). Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến việc hoạt động chăm sóc y tế cho người cao tuổi luôn được Đảng, Nhà nước quan tâm nhằm duy trì tuổi thọ, sức khỏe và phòng chống bệnh không lây nhiễm cho người già. Tuy nhiên, mức chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi ở Việt Nam nói chung và tại Thành phố Cần Thơ nói riêng còn hạn chế. Với tốc độ già hóa dân số ở Việt Nam diễn ra tương đối nhanh như hiện nay đã dẫn đến hệ lụy là hệ thống an sinh xã hội chưa đáp ứng được nhu cầu chăm sóc y tế cho NCT. Mỗi hộ gia đình có hướng giải quyết khác nhau đối với việc chăm sóc sức khỏe cho NCT.

Trong điều kiện nghiên cứu ở Việt Nam, chi phí tài chính là một trong những nhân tố đã được các tác giả đưa vào các công trình nghiên cứu về chi tiêu y tế bao gồm: Nguyễn Hữu Dũng [1], Vũ Trịnh Thế Quân [2], Đinh Thị Tâm [3], Lê Phương Thảo [4], Nguyễn Minh Trí [5]. Do đó, chi phí tài chính trong việc chi tiêu y tế cho NCT có khả năng khiến các hộ đối mặt với thảm họa nghèo đói do thanh toán quá mức. Đồng thời, một số nghiên cứu khác lại chỉ ra rằng, không chỉ riêng yếu tố về tài chính mà còn có sự cộng hưởng của

những yếu tố khác ảnh hưởng đến chi tiêu của NCT cho các dịch vụ y tế để chăm sóc sức khỏe. Đó là lý do chúng tôi thực hiện đề tài nghiên cứu này.

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Đối tượng nghiên cứu

*Đối tượng nghiên cứu:* Các yếu tố ảnh hưởng đến mức chi tiêu cho y tế của NCT tại Thành phố Cần Thơ.

*Đối tượng phỏng vấn:* Nam và nữ từ 60 tuổi đang sinh sống tại địa bàn các quận Ninh Kiều, Bình Thủy, Cái Răng.

*Thời gian nghiên cứu:* Nội dung bài nghiên cứu sử dụng số liệu phỏng vấn trực tiếp NCT tại Thành phố Cần Thơ trong năm 2019.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

*Thiết kế nghiên cứu:* Nghiên cứu mô tả, cắt ngang

*Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:* 151 NCT (từ 60 tuổi trở lên) thỏa tiêu chuẩn chọn mẫu được đưa vào nghiên cứu trong khoảng thời gian năm 2019 dựa vào công thức tính cỡ mẫu:  $n \geq 50 + 8p$  (trong đó  $p = 8$  là số lượng biến độc lập trong mô hình).

Các biến nghiên cứu bao gồm:

Chi tiêu y tế cho NCT: Là mọi khoản chi cho các hoạt động y tế mà mục tiêu đầu tiên là để nâng cao, phục hồi hoặc duy trì sức khỏe; tương đồng với các nghiên cứu của Đinh Thị Tâm [3].

Nhóm đặc điểm kinh tế (thu nhập hộ, thu nhập NCT); tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Hữu Dũng [1], Vũ Trịnh Thế Quân [2], Đinh Thị Tâm [3], Lê Phương Thảo [4], Nguyễn Minh Trí [5], Baltagi B. H and Moscone F [6], Evans [7], Magazzino C.[9].

Nhóm đặc điểm nhân khẩu (đặc điểm NCT, số người phụ thuộc, tổng số người trong hộ, địa điểm sinh sống); tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Hữu Dũng [1], Vũ Trịnh Thế Quân [2], Đinh Thị Tâm [3], Lê Phương Thảo [4], Nguyễn Minh Trí [5], Himanshu [8], Magazzino C.[9].

Nhóm điều kiện chăm sóc sức khỏe (bảo hiểm y tế, loại hình cơ sở y tế); tương đồng với các nghiên cứu của Nguyễn Hữu Dũng [1], Vũ Trịnh Thế Quân [2], Đinh Thị Tâm [3], Lê Phương Thảo [4], Nguyễn Minh Trí [5], Magazzino C.[9], Pravin K. Trivedi [10].

*Phương pháp thu thập mẫu:* Phỏng vấn trực tiếp NCT tại địa bàn nghiên cứu thông qua việc thiết kế bảng câu hỏi khảo sát thực tế.

*Phương pháp xử lý số liệu:* Số liệu được xử lý và phân tích bằng phần mềm Stata 12.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thông tin chung

Bảng 1. Đặc điểm nhân khẩu của người cao tuổi

Đặc điểm	Số lượng cao nhất	Số lượng trung bình	Số lượng ít nhất
Số thành viên	10	4,62	1
Số thành viên có thu nhập	6	2,38	1
Số trẻ em	3	0,68	0
Số NCT	4	1,75	1
Số thế hệ	3	2,36	1

Nhận xét: Trong hộ, số NCT trung bình là 1,75, số thế hệ bình quân là 2,36 .

Bảng 2. Đặc điểm cá nhân người cao tuổi được phỏng vấn

Đặc điểm		Số lượng	Tỷ lệ (%)	
Giới tính	Nam	67	44,37	
	Nữ	84	55,63	
Trình độ học vấn	Đại học	4	2,65	
	Cấp 3	54	35,76	
	Cấp 2	34	22,51	
	Cấp 1	35	23,18	
	Không đi học	24	15,89	
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	47	31,13	
	Có nhau	104	68,87	
Thu nhập	Có	90	59,60	
	Không	61	40,40	
	Nguồn	Lương hưu	37	41,11
		Cho thuê tài sản	2	2,22
		Lãi ngân hàng	1	1,11
Khác		50	55,56	

Nhận xét: Số NCT là nam chiếm tỷ lệ 44,37%. Số người đạt trình độ cấp 3 chiếm tỷ lệ cao nhất so với các bậc học là 35,76% và số người không đi học đạt tỷ lệ 15,89%. Bên cạnh đó, số người sống có nhau là 68,87% và số người đang trong tình trạng độc thân là 31,13%.

Bảng 1. Đặc điểm kinh tế hộ của người cao tuổi

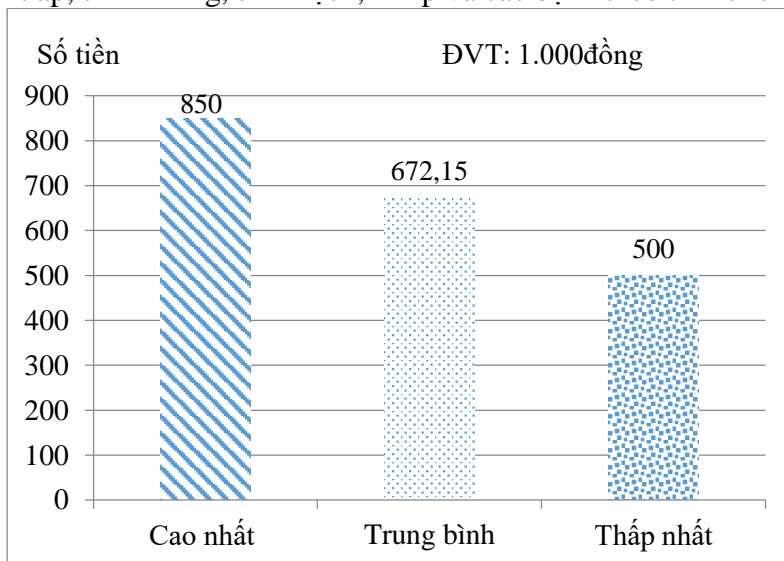
Chỉ tiêu	ĐVT	Cao nhất	Trung bình	Thấp nhất
Thu nhập NCT	1.000đ	200.000	45.290	0
Thu nhập hộ	1.000đ	550.000	183.715,23	15.000
Tỷ lệ thu nhập NCT/TN hộ	%	-	24,65	-

Nhận xét: Mức thu nhập bình quân chung của NCT là 45,29 triệu/năm (tương đương 3,77 triệu/tháng), cao nhất là 200 triệu/năm và thấp nhất là không có thu nhập.

Bảng 2. Điều kiện chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi

Điều kiện chăm sóc sức khỏe	Số lượng	Tỷ lệ (%)
<b>Số lượng NCT tham gia BHYT</b>		
- Tự mua	118	78,15
- Được hỗ trợ bởi cơ quan, đoàn thể	9	5,96
- Không mua	24	15,89
<b>Số lượt khám bệnh tại các cơ sở y tế</b>		
- Cơ sở y tế cấp 1	76	35,19
- Cơ sở y tế cấp 2	81	37,50
- Cơ sở y tế cấp 3	49	22,68
- Cơ sở y tế cấp 4	10	4,63
<b>Số lượng NCT mắc phải một số loại bệnh lý</b>		
- Huyết áp	44	24,04
- Tiểu đường	18	9,84
- Tim mạch	28	15,30
- Khớp	44	24,04
- Khác	49	26,78

Nhận xét: 151 NCT được quan sát thì có chiếm 84,11% tham gia BHYT còn lại là 15,89% không tham gia BHYT; tỷ lệ số lượt khám và điều trị bệnh tại các cơ sở y tế lần lượt là (cấp 1: 35,19%, cấp 2: 37,50%, cấp 3: 22,68%, cấp 4: 4,63%); các bệnh mà NCT gặp phải là: huyết áp, tiểu đường, tim mạch, khớp và các bệnh theo thời tiết khác.



Hình 1: Số tiền mua BHYT của người cao tuổi tại Thành phố Cần Thơ

Nhận xét: Số tiền mua BHYT cao nhất, trung bình và thấp nhất của NCT lần lượt là 850.000 đồng, 672.150 đồng và 500.000 đồng.

Bảng 3. Sự hỗ trợ từ bên ngoài

Sự hỗ trợ bên ngoài		Số lượng	Tỷ lệ (%)
Vay ưu đãi	- Được vay ưu đãi	5	3,31
	- Không được vay ưu đãi	146	96,69
Hỗ trợ y tế từ bên ngoài	- Được hỗ trợ	2	1,32
	- Không được hỗ trợ	149	98,68

Nhận xét: Số hộ được cho vay ưu đãi do có NCT là 3,31% còn lại 96,69% số hộ không được vay ưu đãi; chỉ có 1,32% trong tổng số NCT được hỗ trợ từ bên ngoài trong việc chăm sóc sức khỏe.

## 2. Chi tiêu y tế của người cao tuổi

Bảng 4. Mức chi tiêu cho y tế của người cao tuổi

Mức chi tiêu	ĐVT	Số tiền
Mức chi tiêu thấp nhất	1.000đ	0
Mức chi tiêu trung bình	1.000đ	355,43
Mức chi tiêu cao nhất	1.000đ	11.000

Nhận xét: Mức chi tiêu lớn nhất cho việc chăm sóc sức khỏe của NCT là 11 triệu đồng/năm, trung bình là 355.430 đồng/năm và nhỏ nhất là 0 đồng.

## 3. Các yếu tố liên quan đến chi tiêu y tế của người cao tuổi

Để phân tích sự tác động của các yếu tố đến chi tiêu y tế của NCT, tác giả sử dụng mô hình mô hình hồi quy đa biến Cobb - Douglas (với  $p < 0.05$ ) để đánh giá. Kết quả mô hình hồi quy như sau:

Bảng 5. Kết quả mô hình hồi quy

Yếu tố	Các hệ số		
	Hệ số	Giá trị P	Sai số chuẩn
Thu nhập hộ	-0,393	0,384	0,450
Thu nhập người cao tuổi	-0,092	0,061	0,049
Tình trạng hôn nhân	-1,842	0,002	0,580
Trình độ học vấn	0,847	0,009	0,318
Tuổi	-4,252	0,080	2,408
Số trẻ em trong hộ	-0,301	0,584	0,549
Số người cao tuổi trong hộ	0,784	0,167	0,565
Quy mô hộ	-0,840	0,160	0,595
Số thế hệ	0,137	0,814	0,581
Bảo hiểm y tế	-1,702	0,081	0,968
Cơ sở y tế 1	-0,776	0,457	1,041
Cơ sở y tế 2	0,776	0,899	0,610
Hằng số	26,983	0,032	12,258
<i>Số quan sát</i>		151	
<i>Pro&gt;Chi2</i>		0,000	
<i>R<sup>2</sup></i>		0,203	

Nguồn: Xử lý số liệu điều tra, 2019

Nhận xét: Các yếu tố có tác động đến mức chi tiêu y tế của NCT tại Thành phố Cần Thơ bao gồm: tình trạng hôn nhân và trình độ học vấn của NCT.

#### IV. BÀN LUẬN

##### 1. Chi tiêu y tế trung bình của người cao tuổi tại Thành phố Cần Thơ

Mức chi tiêu y tế trung bình của NCT tại Thành phố Cần Thơ 355.430 đồng (Bảng 6). Đồng thời, theo số liệu thống kê thì trong số 151 NCT có 127 NCT có tham gia BHYT (Bảng 4). Từ đó có thể cho thấy mức chi tiêu trung bình được thống kê ở trên chỉ là khoảng chi tiêu do cá nhân NCT hoặc gia đình họ chi trả cho các dịch vụ y tế mà họ đã sử dụng trong năm 2017. Về thực tế, tổng mức chi tiêu y tế mà NCT đã sử dụng cao hơn mức chi phí trung bình trên. Tuy nhiên, phần chênh lệch về chi phí y tế này đã được BHYT hỗ trợ.

##### 2. Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu y tế của người cao tuổi tại Thành phố Cần Thơ

###### Hôn nhân

Người sống có nhau chi tiêu cho y tế thấp hơn người độc thân là 1,842 nghìn đồng, với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Tâm [3] tương đồng với nội dung nghiên cứu của tác giả (khi xét ở mức ý nghĩa 5%).

###### Học vấn

Khi trình độ học vấn của NCT tăng lên 1% thì chi tiêu cho y tế của NCT tăng 0,847%, với điều kiện các yếu tố khác không đổi. Kết quả nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Tâm [3] thì những NCT có học vấn càng cao thì mức chi tiêu cho y tế của họ càng thấp. Nguyên nhân dẫn đến sự khác biệt này là do bộ số liệu nghiên cứu của tác giả so với tác giả Đinh Thị Tâm [3] có sự khác biệt quá lớn về trình độ học vấn. Trong nghiên cứu của tác giả Đinh Thị Tâm [3] có tổng số người không đi học là 1592/ 2796 người (năm 2010). Trong khi đó, bộ số liệu tác giả nghiên cứu là gồm 24/151 người không có đi học (năm 2019).

## V. KẾT LUẬN

Qua thống kê mô tả thực trạng chi tiêu y tế trung bình và phân tích sự tác động của các yếu tố đến mức chi tiêu y tế cho NCT tại Thành phố Cần Thơ, nhóm tác giả có kết luận như sau:

- Mức chi tiêu y tế trung bình của NCT tại Thành phố Cần Thơ trong năm 2017 là 355.430 đồng.

- Học vấn: NCT có trình độ học vấn cao hơn sẽ có mức chi tiêu cho y tế cao hơn so với NCT có trình độ học vấn thấp hơn.

- Hôn nhân: NCT sống có nhau có chi tiêu cho y tế thấp hơn so với những NCT đang sống độc thân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Hữu Dũng và các cộng sự (2016), “*Các yếu tố tác động đến chi tiêu cho y tế của trẻ em: Ứng dụng mô hình Tobit cho dữ liệu của Việt Nam*”, Tạp chí khoa học Trường Đại học Mở TP.HCM.
2. Vũ Trịnh Thế Quân (2015), “*Các yếu tố ảnh hưởng đến chi tiêu y tế của các hộ gia đình Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung*”, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
3. Đinh Thị Tâm (2013), “*Phân tích các yếu tố tác động đến chi tiêu cho chăm sóc sức khỏe của người cao tuổi ở Việt Nam*”, Luận văn Thạc sĩ Kinh tế, trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
4. Lê Phương Thảo (2011), “*Xác định các yếu tố của chi tiêu y tế hộ gia đình: một phân tích ở Việt Nam bằng cách sử dụng bộ dữ liệu VHLSS 2006*”, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Minh Trí (2015), “*Các yếu tố tác động đến chi tiêu y tế cho trẻ em Việt Nam*”, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.
6. Baltagi B. H and Moscone F (2010), “*Health Care Expenditure and Income in the OECD Reconsidered: Evidence from Panel Data*”, *IZA DP*, No. 4851.
7. Evans, M., I. Gough, S. Harkness, A. McKay, T. H. Dao, and L. T. N. Do. (2007a), “*The Relationship between Old Age and Poverty in Viet Nam*”, United Nations Development Program (UNDP) Vietnam Policy Dialogue Paper No. 2007-08. Hanoi: UNDP Vietnam.
8. Himanshu (2006), “*Gender inequality in household health Expenditure: the case of migrant workers in China*”, *Public health report* 123(2): pp189-198.
9. Magazzino C. and Mele M. (2012), “*The Determinants of Health Expenditure in Italian Regions*”, *International Journal of Economics and Finance*, Vol. 4, No. 3.
10. Pravin K. Trivedi (2002), (*Patterns of Health Care Utilization in Viet Nam: Analysis of 1997 – 1998 Vietnam Living Standards Survey Data*).

(Ngày nhận bài: 7/11/2019 - Ngày duyệt đăng: 10/6/2020)

---